

Quyết định số: 01/2024/QĐST – DS

Bình Long, ngày 04 tháng 3 năm 2024

**QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ
V/v “Yêu cầu tuyên bố một người là đã chết”,
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BÌNH LONG, TỈNH BÌNH PHƯỚC**

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Ông Lê Đình Tùng

Thư ký phiên họp: Bà Phạm Tân Huyền, Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Bình Long, tỉnh Bình Phước

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Bình Long tham gia phiên họp:

Ông Nguyễn Hùng Phong - Kiểm sát viên

Trong ngày 04 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Bình Long, tỉnh Bình Phước mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số: 67/2023/TLST – DS ngày 06/10/2023, về việc “Tuyên bố một người là đã chết”, theo Quyết định mở phiên họp số: 01/2023/QĐMPH - VDS, ngày 22/3/2024, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Họ và tên người yêu cầu: Bà Phạm Thị T, sinh năm 1942 (Có mặt)

Địa chỉ: Tổ 04, khu phố PhTr, phường AL, thị xã BL, tỉnh Bình Phước.

Họ và tên người liên quan (người bị yêu cầu):

Ông Nguyễn Đức Ph, sinh năm 1941 (Vắng mặt)

Địa chỉ và nơi cư trú cuối cùng: Tổ 04, ấp PhTr, xã AL, huyện Bình Long tỉnh Sông Bé nay là khu phố PhTr, phường AL, thị xã BL, tỉnh Bình Phước.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Nguyễn Đức D, sinh năm 1980 (Xin vắng mặt)

2. Ông Nguyễn Văn S, sinh năm 1986 (Xin vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Tổ 04, khu phố PhTr, phường AL, thị xã BL, tỉnh Bình Phước.

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:

Theo đơn yêu cầu và lời khai tại Tòa án nhân dân thị xã Bình Long, cùng các tài liệu, chứng cứ kèm theo của bà Phạm Thị T trình bày: Bà Phạm Thị T và ông Nguyễn Đức Ph, sinh năm 1941, tự nguyện sống chung với nhau từ năm 1973, không đăng ký kết hôn. Quá trình sống chung bà Phạm Thị T và ông Nguyễn Đức Ph có với nhau 2 người con chung tên ông Nguyễn Đức D, sinh năm 1980 và ông Nguyễn Văn S, sinh năm 1986. Tháng 02 năm 1986, sau khi sinh cháu D thì ông Nguyễn Đức Ph tự ý bỏ nhà ra đi biệt tích từ đến nay không về, ông Nguyễn Đức Ph không có người thân, không biết tin tức hiện nay ông Nguyễn Đức Ph còn sống hay đã chết mặc dù gia đình bà T đã tìm kiếm bằng mọi cách nhưng không có tin

từ về ông Ph. Địa chỉ và nơi cư trú cuối cùng của ông Nguyễn Đức Ph, sinh năm 1941; Địa chỉ tổ 04, khu phố PhTr, phường AL, thị xã BL, tỉnh Bình Phước. Nay bà Phạm Thị T yêu cầu Tòa án giải quyết tuyên bố ông Nguyễn Đức Ph, sinh năm 1941, Địa chỉ và nơi cư trú cuối cùng: Tổ 04, ấp PhTr, xã AL, huyện BL, tỉnh Sông Bé nay là khu phố PhTr, phường AL, thị xã BL, tỉnh Bình Phước là đã chết.

Ông Nguyễn Văn S và ông Nguyễn Đức D trình bày: Ông S và ông D là con của bà Phạm Thị T, sinh năm 1942 và ông Nguyễn Đức Ph, sinh năm 1941. Ông S và ông D sinh sống với bà Phạm Thị T từ nhỏ tại địa chỉ tổ 04, ấp PhTr, xã AL, huyện Bình Long tỉnh Sông Bé nay là khu phố PhTr, phường AL, thị xã BL, tỉnh Bình Phước. Gia đình có hai anh em, là ông Nguyễn Đức D, sinh năm 1980 và ông Nguyễn Văn S, sinh năm 1986. Cùng Địa chỉ: Tổ 04, khu phố PhTr, phường AL, thị xã BL, tỉnh Bình Phước. Quá trình sinh sống ông Nguyễn Đức Ph tự ý bỏ nhà ra đi biệt tích từ khi ông S và ông D còn nhỏ, từ đó đến nay không về, hiện nay còn sống hay đã chết gia đình cũng không biết, mặc dù gia đình đã tìm kiếm bằng mọi cách nhưng không thấy; Địa chỉ và nơi cư trú cuối cùng của ông Nguyễn Đức Ph, sinh năm 1941; Địa chỉ tổ 04, khu phố Phtr, phường AL, thị xã BL, tỉnh Bình Phước. Nay bà Phạm Thị T (mẹ tôi) đang yêu cầu Tòa án giải quyết tuyên bố ông Nguyễn Đức Ph, sinh năm 1941 đã chết thì ông S và ông D thống nhất ý kiến.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự, lời trình bày và xác nhận của người yêu cầu và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan tại phiên họp; Ý kiến của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Bình Long tham gia phiên họp, đề nghị Tòa án chấp nhận đơn yêu cầu của bà Phạm Thị T về việc yêu cầu Tòa án tuyên bố ông Nguyễn Đức Ph, sinh năm 1941, Địa chỉ và nơi cư trú cuối cùng: Tổ 04, ấp PhTr, xã AL, huyện BL tỉnh Sông Bé nay là khu phố PhTr, phường AL, thị xã BL, tỉnh Bình Phước là đã chết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp; ý kiến của các đương sự và đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dân thị xã Bình Long nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết của Tòa án:

Bà Phạm Thị T yêu cầu Tòa án tuyên bố ông Nguyễn Đức Ph, sinh năm 1941 là đã chết, Địa chỉ và nơi cư trú cuối cùng của ông Nguyễn Đức Ph: Tổ 04, ấp PhTr, xã AL, huyện BL tỉnh Sông Bé nay là khu phố PhTr, phường AL, thị xã B L, tỉnh Bình Phước, xác định đây là Việc dân sự “Yêu cầu tuyên bố một người là đã chết”. Căn cứ theo quy định tại khoản 4 Điều 27, điểm a khoản 2 Điều 35, điểm b khoản 2 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về yêu cầu của đương sự:

Bà Phạm Thị T và ông Nguyễn Đức Ph, tự nguyện sống chung với nhau từ năm 1973, không đăng ký kết hôn. Quá trình sống chung bà Phạm Thị T và ông Nguyễn Đức Ph có với nhau 2 người con chung tên ông Nguyễn Đức D, sinh năm 1980 và ông Nguyễn Văn S, sinh năm 1986. Ông Nguyễn Đức Ph tự ý bỏ nhà ra đi biệt tích từ tháng 02 năm 1986 đến nay không về, ông Nguyễn Đức Ph không có người thân, không biết tin tức hiện nay ông Nguyễn Đức Ph còn sống hay đã chết

mặc dù gia đình bà Phạm Thị T đã tìm kiếm bằng mọi cách nhưng không có kết quả, không có tin tức; Địa chỉ và nơi cư trú cuối cùng của ông Nguyễn Đức Ph, sinh năm 1941: Tổ 04, khu phố PhTr, phường AL, thị xã BL, tỉnh Bình Phước.

Căn cứ vào đơn yêu cầu của bà Phạm Thị T, giấy khai sinh của ông Nguyễn Đức D, sinh năm 1980, giấy khai sinh của ông Nguyễn Văn S, sinh năm 1986, xác nhận của Ủy ban nhân dân phường An Lộc, thị xã Bình Long. Yêu cầu của bà Phạm Thị T là có đủ cơ sở theo quy định tại điểm d khoản 1, khoản 2, khoản 3 Điều 71 của Bộ luật dân sự nên được chấp nhận. Tuyên bố ông Nguyễn Đức Ph, sinh năm 1941, Địa chỉ và nơi cư trú cuối cùng: Tổ 04, ấp PhTr, xã AL, huyện B L tỉnh Sông Bé nay là khu phố PhTr, phường AL, thị xã BL, tỉnh Bình Phước là đã chết. Do ông Nguyễn Đức Ph bỏ đi biệt tích từ tháng 2 năm 1986 cho nên thời điểm ông Nguyễn Đức Ph chết được tính từ ngày 01/3/1991.

[3] Chi phí tố tụng: Chi phí đăng tin tìm kiếm và đăng báo Công Lý về việc tìm kiếm người tuyên bố là đã chết bà Phạm Thị T tự nguyện chịu và không yêu cầu Tòa án xem xét.

[4] Về lệ phí của Tòa án: Căn cứ theo quy định tại Điều 149 Bộ luật tố tụng dân sự, điểm d Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về thu, miễn, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bà Phạm Thị T là người cao tuổi nên được miễn toàn bộ tiền lệ phí.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 4 Điều 27, điểm a khoản 2 Điều 35, điểm b khoản 2 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Căn cứ điểm d khoản 1, khoản 2, khoản 3 Điều 71 của Bộ luật dân sự.

1. Chấp nhận đơn yêu cầu của bà Phạm Thị T.

1.1 Tuyên bố ông Nguyễn Đức Ph, sinh năm 1941, Địa chỉ và nơi cư trú cuối cùng: Tổ 04, ấp PhTr, xã AL, huyện BL, tỉnh Sông Bé nay là tổ 04, khu phố PhTr, phường AL, thị xã BL, tỉnh Bình Phước là đã chết. Thời điểm tính từ ngày 01/3/1991.

1.2. Các chi phí đăng tin tìm kiếm và đăng báo Công Lý về việc tìm kiếm người tuyên bố là đã chết bà Phạm Thị T tự nguyện chịu và không yêu cầu Tòa án xem xét.

2. Lệ phí Tòa án: Căn cứ theo quy định tại Điều 149 Bộ luật tố tụng dân sự, điểm d Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về thu, miễn, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bà Phạm Thị T được miễn toàn bộ tiền lệ phí Tòa án.

3. Quyền kháng cáo, kháng nghị: Người yêu cầu có quyền kháng cáo quyết định này trong hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được quyết định hoặc kể từ ngày quyết định được thông báo, hoặc ngày tổng đạt hợp lệ.

Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp có quyền kháng nghị quyết định trong thời hạn 10 ngày, Viện kiểm sát nhân dân cấp trên trực tiếp có quyền kháng nghị quyết định trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày Tòa án ra quyết định.

Nơi nhận:

- TAND T Bình Phước;
- VKS TX Bình Long;
- Các đương sự;
- Chi cục THA TX Bình Long;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Lê Đình Tùng

Bà Phạm Thị T yêu cầu Tòa án tuyên bố ông Nguyễn Đức Ph, sinh năm 1941, Địa chỉ và nơi cư trú cuối cùng: Tổ 04, ấp Phú Trung, xã An Lộc, huyện Bình Long tỉnh Sông Bé nay là khu phố Phú Trung, phường An Lộc, thị xã Bình Long, tỉnh Bình Phước là đã chết.

TÒA ÁN NHÂN DÂN.....⁽¹⁾

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:...../...../QĐ-SCBSBA ⁽²⁾

....., ngày..... tháng năm.....

**QUYẾT ĐỊNH
SỬA CHỮA, BỔ SUNG BẢN ÁN SƠ THẨM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN.....

Căn cứ vào Điều 268 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Xét cần sửa chữa, bổ sung bản án do⁽³⁾..... trong bản án
số⁽⁴⁾.../.../DSST- ... ngày...tháng...năm...của Tòa án nhân dân⁽⁵⁾
đã xét xử sơ thẩm vụ án dân sự về⁽⁶⁾....., giữa:

Nguyên đơn:

Địa chỉ:

Bị đơn:

Địa chỉ:

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

Địa chỉ:

QUYẾT ĐỊNH:

Sửa chữa, bổ sung Bản án số .../.../DSST- ... ngày...tháng...năm...của Tòa án nhân dân.....như sau:

Tại dòng thứ... từ..., trang...của bản án đã ghi:⁽⁷⁾ “.....

.....”
Nay sửa chữa, bổ sung như sau:⁽⁸⁾.....
.....”

Nơi nhận:

- Đường sự;
- Cơ quan, tổ chức khởi kiện (nếu có);
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Cơ quan thi hành án cùng cấp;
- Lưu hồ sơ tại Tòa án.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA⁽⁹⁾

(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Hướng dẫn sử dụng mẫu số 53-DS:

- (1) Ghi tên Tòa án nhân dân đã xét xử sơ thẩm và ra bản án; nếu là Tòa án nhân dân cấp huyện thì cần ghi rõ Tòa án nhân dân huyện nào thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh H), nếu là Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thì ghi rõ Tòa án nhân dân tỉnh (thành phố) nào (ví dụ: Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội).
- (2) Ô thứ nhất ghi số, ô thứ hai ghi năm ban hành Quyết định sửa chữa, bổ sung bản án (ví dụ: Số: 10/2017/QĐ-SCBA).
- (3) Tuy từng trường hợp mà ghi cụ thể “lỗi rõ ràng về chính tả”, “nhầm lẫn về số liệu” hoặc “tính toán sai”.
- (4) Ghi số bản án và ngày tháng năm ra bản án (ví dụ: Số:15/2017/DSST-KDTM ngày 20-4-2017).
- (5) Ghi tên Tòa án nhân dân đã ra bản án đó theo cách ghi hướng dẫn tại điểm (1).
- (6) Ghi quan hệ tranh chấp mà Tòa án giải quyết: Cần xác định tranh chấp mà Tòa án thụ lý giải quyết được quy định tại Điều, khoản nào của Bộ luật tố tụng dân sự, để ghi vào phần trích yếu của bản án (ví dụ: Tranh chấp mà Tòa án thụ lý giải quyết là tranh chấp về quốc tịch Việt Nam giữa cá nhân với cá nhân được quy định tại khoản 1 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự thì ghi: “tranh chấp về quốc tịch Việt Nam giữa cá nhân với cá nhân”).
- (7) Trích lại nguyên văn phần bản án phát hiện có sai sót cần sửa chữa, bổ sung.
- (8) Ghi đầy đủ nội dung cần sửa chữa, bổ sung để khắc phục sai sót.
- (9) Thẩm phán chủ tọa phiên tòa phối hợp với các Hội thẩm nhân dân là thành viên Hội đồng xét xử đã tuyên bản án đó phải ra quyết định sửa chữa, bổ sung bản án. Nếu Thẩm phán đã xét xét xử vụ án đó không còn đảm nhiệm chức vụ Thẩm phán tại Tòa án đã ra bản án đó thì Chánh án Tòa án phải thực hiện việc sửa chữa, bổ sung bản án.

TÒA ÁN NHÂN DÂN.....⁽¹⁾

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:...../...../QĐ-SCBSBA ⁽²⁾

....., ngày..... tháng năm.....

**QUYẾT ĐỊNH
SỬA CHỮA, BỔ SUNG BẢN ÁN SƠ THẨM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN.....

Căn cứ vào Điều 268 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Xét cần sửa chữa, bổ sung bản án do⁽³⁾..... trong bản án
số⁽⁴⁾.../.../DSST- ... ngày...tháng...năm... của Tòa án nhân dân⁽⁵⁾
đã xét xử sơ thẩm vụ án dân sự về⁽⁶⁾....., giữa:

Nguyên đơn:
Địa chỉ:

Bị đơn:
Địa chỉ:

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:
Địa chỉ:

QUYẾT ĐỊNH:

Sửa chữa, bổ sung Bản án số .../.../DSST- ... ngày...tháng...năm... của Tòa án nhân dân.....như sau:

Tại dòng thứ... từ..., trang...của bản án đã ghi:⁽⁷⁾ “ ”

Nay sửa chữa, bổ sung như sau:⁽⁸⁾“ ”

Nơi nhận:

- đương sự;
- Cơ quan, tổ chức khởi kiện (nếu có);
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Cơ quan thi hành án cùng cấp;
- Lưu hồ sơ tại Tòa án.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA⁽⁹⁾
(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Trong ngày..... tháng..... năm.....⁽⁹⁾ tại.....⁽¹⁰⁾ mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số:...../...../TLST-.....⁽¹¹⁾ ngày..... tháng..... năm..... về yêu cầu⁽¹²⁾ theo Quyết định mở phiên họp số:...../...../QĐPH-.....⁽¹³⁾ ngày.....tháng..... năm.....

1. Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:⁽¹⁴⁾

Người đại diện hợp pháp của người yêu cầu giải quyết việc dân sự:⁽¹⁵⁾

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người yêu cầu giải quyết việc dân sự:⁽¹⁶⁾

2. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:⁽¹⁷⁾

Người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:⁽¹⁸⁾

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:⁽¹⁹⁾

4. Người làm chứng:⁽²⁰⁾

5. Người phiên dịch:⁽²¹⁾

6. Người giám định:⁽²²⁾

7. Những vấn đề cụ thể yêu cầu Tòa án giải quyết:⁽²³⁾

-

-

-

NHẬN ĐỊNH

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên họp, Tòa án⁽²⁴⁾ nhận định:⁽²⁵⁾

-

-

-

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ:⁽²⁶⁾

.....

.....

Lệ phí giải quyết việc dân sự phải nộp⁽²⁷⁾:

.....

Quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thời hiệu yêu cầu thi hành án

⁽²⁸⁾

.....

.....

(29)

